

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1303**/UBND-KGVX

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 3 năm 2023

V/v điều chỉnh Đề xuất dự
án Xây dựng cơ sở hạ tầng
thích ứng với biến đổi khí
hậu cho đồng bào dân tộc
thiểu số tỉnh Quảng Ngãi
(dự án CRIEM)

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ tại Công văn số 5753/VPCP-QHQT ngày 01/7/2019 về việc phê duyệt đề xuất Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số” vay vốn ADB, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với ADB để hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Dự án).

Theo quy định tại Khoản 9, Điều 25 Luật Đầu tư công; điểm c, Khoản 1, Điều 1 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công; Khoản 5, Điều 14 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi; để có cơ sở hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án theo đúng quy định hiện hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi có văn bản xin ý kiến góp ý của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban Dân tộc (tại Công văn số 3792/UBND-KGVX ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh) và được các Bộ, ngành có ý kiến góp ý, gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 7931/BKHĐT-KTĐN ngày 03/11/2022), Bộ Tài chính (Công văn số 13096/BTC-QLN ngày 12/12/2022), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 7020/BNN-HTQT ngày 19/10/2022), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 5622/BTNMT-KHTC ngày 23/9/2022), Ủy ban Dân tộc (Công văn số 1366/UBND-HTQT ngày 22/8/2022), Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 1167/BGTVT ngày 10/02/2023) và Cơ quan tổ chức thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư) đã lấy ý kiến góp ý đầy đủ bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương liên quan thuộc tỉnh (11/11 ý kiến của các sở, ngành, địa phương) đối với nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án.

UBND tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải) tiếp thu đầy đủ ý kiến góp của các Bộ ngành Trung ương để hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đề trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

Trong đó, đối với ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 13096/BTC-QLN ngày 12/12/2022: “Do nhiều nội dung chính của Dự án thay đổi so với Đề xuất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý của việc điều chỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các thay đổi này và trình phê duyệt lại đề xuất Dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, để có căn cứ phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án theo đúng quy định”. Nội dung này, UBND tỉnh báo cáo như sau:

Trong quá trình phối hợp chuẩn bị dự án, ADB tiếp tục rà soát, kiểm tra thực tế hiện trường và làm việc cụ thể với từng địa phương hưởng lợi dự án để lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án có thay đổi các nội dung chính của Đề xuất dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (về tên dự án, mô hình dự án, nội dung (kết quả) chính dự kiến (các đầu ra của dự án), phạm vi dự án, thời gian thực hiện dự kiến, tổng mức đầu tư (dự án giảm tổng mức đầu tư và giảm vốn vay ADB). Cụ thể nội dung, lý do điều chỉnh các nội dung chính của Dự án được tóm tắt tại Phụ lục số 1 kèm theo.

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính và trên cơ sở hướng dẫn Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh Đề xuất dự án tại Điểm b, Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ; để có cơ sở trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp dự kiến tháng 5/2023 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của tập thể lãnh đạo UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 28/3/2023, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm sớm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt nội dung điều chỉnh Đề xuất dự án CRIEM trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể một số nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi.

2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Quảng Ngãi.

4. Mục tiêu: Tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giúp nâng cao mức sống đồng bào dân tộc thiểu số, giảm nghèo bền vững, nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần giữ vững ổn định an ninh, chính trị, kinh tế - xã hội trong tỉnh thông qua cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cấp nước sinh hoạt, hạ tầng quản lý tài nguyên nước và nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi

ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.

5. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa bàn các huyện: Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây.

6. Quy mô, kết quả chính dự kiến:

Dự án CRIEM tỉnh Quảng Ngãi có 03 Đầu ra:

a) *Đầu ra 1*: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông gồm 02 tiểu dự án, trong đó gồm:

- Tiểu dự án QNg01: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân - Cà Đam, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiểu dự án QNg02: Nâng cấp tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

b) *Đầu ra 2*: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp gồm 07 tiểu dự án, trong đó gồm:

b1) *03 Tiểu dự án Cấp nước sinh hoạt*:

- Tiểu dự án Qng03: Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Ba Tơ (Thị trấn Ba Tơ và xã Ba Động).

- Tiểu dự án Qng04: Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Trà Bồng (Xã Trà Sơn, TT. Trà Xuân, xã Trà Phú, xã Trà Bình).

- Tiểu dự án Qng05: Hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà.

b2) *03 Tiểu dự án Thủy lợi*:

- Tiểu dự án QNg06: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Ba Tơ.

- Tiểu dự án QNg07: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Trà Bồng.

- Tiểu dự án QNg08: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Sơn Hà.

b3) *01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở*:

Tiểu dự án QNg09: Khắc phục sạt lở bờ sông Trà Bồng và sông Giang đoạn qua huyện Trà Bồng.

c) *Đầu ra 3*: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu (nguồn kinh phí đầu tư khoảng 1,0 triệu đô la Mỹ do ABD viện trợ không hoàn lại).

7. Thời gian thực hiện dự kiến: 2023 - 2026

8. Dự án nhóm: B

9. Tổng vốn mức đầu tư dự kiến và cơ cấu nguồn vốn

a) Tổng mức đầu tư dự kiến: 750,208 tỷ đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ, hai trăm không tám triệu đồng), tương đương 32,991 triệu USD (1USD = 22.740 đồng).

Trong đó:

- Đầu ra 1: 273,200 tỷ đồng (khoảng 12,014 triệu USD);
- Đầu ra 2: 454,296 tỷ đồng (khoảng 19,977 triệu USD);
- Đầu ra 3: 22,740 tỷ đồng (khoảng 1,000 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại).

b) Cơ cấu nguồn vốn:

- Cơ cấu nguồn vốn của dự án:
 - + Vốn vay OCR của ADB: 534,45 tỷ đồng, tương đương 23,503 triệu USD (đầu tư cho hạng mục xây lắp, thiết bị của các đầu ra 1, 2).
 - + Vốn đối ứng: 193,018 tỷ đồng, tương đương 8,488 triệu USD (được đầu tư các hạng mục còn lại, trả lại vay trong thời gian xây dựng và thuế VAT).
 - + Vốn viện trợ không hoàn lại: 22,74 tỷ đồng, tương đương 1 triệu USD đầu tư cho các hạng mục của các đầu ra 3.

Chi tiết được trình bày trong bảng sau:

TT	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư	Vốn đầu tư	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
		(Tỷ đồng)	(Triệu USD)	%
I	Vốn vay OCR của ADB	534,450	23,503	71,24
	Đầu ra 1	205,950	9,057	
	Đầu ra 2	328,50	14,446	
1	Cấp phát từ NSTW (30%)	160,340	7,051	
2	Địa phương vay lại (70%)	374,120	16,452	
II	Vốn viện trợ không hoàn lại (Đầu ra 3)	22,740	1,000	3,03
III	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	193,018	8,448	25,73
Tổng cộng (I+II+III)		750,208	32,991	100,00

10. Cơ chế tài chính trong nước:

- Vốn vay ưu đãi (OCR) của ADB: Ngân sách Trung ương cấp phát 30%, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vay lại 70%.
- Vốn viện trợ không hoàn lại: Ngân sách Trung ương cấp phát 100%.
- Vốn đối ứng: UBND tỉnh Quảng Ngãi bố trí 100%.

Dự án dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2023-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sẽ cân đối và bố trí đủ vốn đối ứng để thực hiện dự án. UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có cam kết bố trí đầy đủ và kịp thời vốn đối ứng để thực hiện dự án CRIEM tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 6149/UBND-KT ngày 10/10/2018 về việc đề nghị phê duyệt đề xuất dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM).

11. Phương thức cho vay lại:

Theo quy định của Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, Quảng Ngãi là địa phương có điều tiết về Ngân sách Trung Ương. Theo đó, áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 70% vốn vay ODA và cấp phát 30% vốn ODA.

(Chi tiết có Phụ lục 2: Đề xuất dự án CRIEM tỉnh Quảng Ngãi điều chỉnh kèm theo)

Nội dung Đề xuất dự án lần này đã được hoàn chỉnh theo ý kiến góp ý của các Bộ ngành Trung ương và các cơ quan liên quan, đủ cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh Đề xuất dự án làm căn cứ để Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị:

- Bộ Tài chính quan tâm sớm có ý kiến để Bộ Kế hoạch và Đầu tư có cơ sở tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh Đề xuất dự án.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, sớm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh Đề xuất dự án để UBND tỉnh kịp hoàn thiện thủ tục, trình HĐND quyết định chủ trương đầu tư dự án trong kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp và hỗ trợ của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc;
- Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXmy127

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh



Phụ lục 1: Nội dung, lý do điều chỉnh các nội dung chính của Đề xuất dự án
Kèm theo Công văn số 1303/UBND-KGVX ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh

TT	Nội dung điều chỉnh	Đề xuất dự án đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Công văn số 5753/VPCP-QHQT ngày 01/7/2019	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Lý do điều chỉnh
1	Tên dự án	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi	Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ không còn quy định mô hình dự án Ô, dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi do UBND tỉnh là cơ quan chủ quản, thực hiện thủ tục lập, trình thẩm định chủ trương đầu tư dự án độc lập
2	Mô hình dự án	Thực hiện mô hình dự án Ô	Điều chỉnh không thực hiện mô hình dự án Ô	Do điều chỉnh, bổ sung các tiêu dự án tại đầu ra 1, 2
3	Tổng mức đầu tư	792,026 tỷ đồng (34,22 triệu USD). Trong đó: Tổng vốn vay ADB: 29,38 triệu USD	750,208 tỷ đồng (32,991 triệu USD). Trong đó: Tổng vốn vay ADB: 23,503 triệu USD	- Do kéo dài thời gian chuẩn bị dự án nên một số công trình mang tính cấp bách tại các tiêu dự án thuộc Đầu ra 1 địa phương đã đầu tư bằng nguồn vốn khác. - Điều chỉnh không thực hiện tiêu dự án: Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long thuộc Đầu ra 2, vì có thể bị xếp loại A về các vấn đề về môi trường và do đó ADB đề nghị không đưa vào dự án CRIEM. - Bổ sung các tiêu dự án tại đầu ra 1, 2 trên cơ sở thống nhất kết quả rà soát, sàng lọc các đầu ra 1, 2 của dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi giữa Đoàn công tác của ADB và UBND tỉnh Quảng Ngãi tại cuộc họp ngày 03/12/2021 (UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Công văn số 307/UBND-KGVX ngày 21/01/2022 gửi ADB; ADB đã có Thư gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/2/2022, theo đó ADB không phản đối về các tiêu dự án do UBND tỉnh đề xuất và đề nghị UBND tỉnh tiến hành các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư).
4	Các đầu ra của dự án	Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông gồm 04 hợp phần: (i) Nâng cấp đường giao thông liên xã Ba Bích - Ba Lễ, huyện Ba To, (ii) Nâng cấp đường DH.83 Sơn Tân - Sơn Lập, huyện Sơn Tây, (iii) Xây dựng đường Liên xã Trà Tân - Cà Dam, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và (iv) Nâng cấp, sửa chữa 02 tuyến đường của huyện Tây Trà Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp, gồm 01 tiêu dự án: Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long.	Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, gồm 02 tiêu dự án, trong đó gồm: (i) Tiêu dự án: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân - Cà Dam, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và (ii) Tiêu dự án: Nâng cấp tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp gồm 07 Tiêu dự án, trong đó gồm: (i) 03 Tiêu dự án Cấp nước sinh hoạt, (ii) 03 Tiêu dự án Thủy lợi và (iii) 01 Tiêu dự án Kê chống sạt lở.	- Điều chỉnh bên vững thích ứng biến đổi khí hậu (Không thay đổi). - Điều chỉnh không thực hiện tiêu dự án: Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long thuộc Đầu ra 2, nên phạm vi dự án không có huyện Minh Long. - Huyện Trà Tây sáp nhập vào huyện Trà Bồng theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nên phạm vi dự án không có huyện Tây Trà. - Bổ sung 01 tiêu dự án cấp nước sinh hoạt và 01 tiêu dự án thủy lợi tại huyện Sơn Hà.
5	Phạm vi dự án	05 huyện miền núi gồm: Ba To, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng và Minh Long.	04 huyện miền núi gồm: Ba To, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng.	Dự án phải sàng lọc, điều chỉnh các đầu ra 1, 2 để đảm bảo theo các tiêu chí của Nhà tài trợ nên kéo dài thời gian chuẩn bị dự án, do đó phải điều chỉnh thời gian thực hiện dự kiến
6	Thời gian thực hiện dự kiến	2021-2025	2023-2026	

This micrograph shows a cross-section of a plant stem. The outer layer consists of several layers of epidermal cells. Below the epidermis is the cortex, which contains large, thin-walled parenchyma cells. The vascular bundles are arranged in a ring, each containing a cluster of large, thick-walled xylem vessels and a smaller cluster of phloem cells. The central part of the stem is occupied by the pith, which is composed of large, polygonal parenchyma cells.



Phụ lục 2: ĐỀ XUẤT DỰ ÁN CRIEM TỈNH QUẢNG NGÃI ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Công văn số **1303** /UBND-KGVX ngày **29** /3/2023 của UBND tỉnh)

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án :

Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM).

Tên tiếng Anh: Climate Resilient Inclusive Infracstructure for Ethnic Minorities (CRIEM)

2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ chương trình/dự án (dự kiến):

- Cơ quan chủ quản dự án:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

+ Địa chỉ: 52 Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi

- Cơ quan đề xuất dự án:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

+ Địa chỉ: 182 Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi

3. Nhà tài trợ dự án: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT (điều chỉnh Đề xuất dự án).

1. Tầm quan trọng, sự cần thiết và khả thi của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ có diện tích tự nhiên là 5.155,24 km², dân số khoảng 1.233.400 người. Diện tích trải dài theo hướng Bắc – Nam trong khoảng 100 km, với chiều ngang theo hướng Đông – Tây hơn 60 km, ứng với tọa độ địa lý từ 14⁰32' đến 15⁰25' vĩ tuyến Bắc và từ 108⁰06' tới 109⁰04' kinh tuyến Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam với đường ranh giới chung khoảng 60 km; phía Tây giáp các tỉnh Kon Tum và Quảng Nam trên chiều dài 142 km dựa lưng vào dãy Trường Sơn, phía Nam giáp tỉnh Bình Định với chiều dài 70 km, phía Đông giáp biển, chiều dài khoảng 130 km với 5 cảng biển; trong đó cảng biển Dung Quất mang tầm vóc của một cảng quốc tế có khả năng tiếp nhận tàu lên đến 100.000 DWT, tàu hàng 30.000 – 50.000 DWT. Quảng Ngãi cách thủ đô Hà Nội 883 km về phía Nam và cách Thành phố Hồ Chí Minh 838 km về phía Bắc.

Đặc điểm chung về địa mạo Quảng Ngãi là núi lấn sát biển, địa hình có tính chuyển tiếp từ đồng bằng ven biển phía Đông đến địa hình miền núi phía Tây. Địa hình được chia thành bốn dạng rõ nét gồm vùng núi cao, vùng trung du, vùng đồng bằng và vùng cát ven biển. Trong đó vùng núi cao diện tích chiếm hơn 63%

diện tích toàn tỉnh (3249,56/5155,25 km²) và dân số vùng miền núi chiếm 18,75% dân số toàn tỉnh (231.331/1.233.396).

Vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi gồm 05 huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng (trước đây gồm 06 huyện, trong đó có huyện Tây Trà, hiện nay huyện Tây Trà đã sáp nhập vào huyện Trà Bồng theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Hầu hết các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi thuộc diện nghèo (theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP) và giáp ranh vùng núi các tỉnh Bình Định, Kon Tum, Gia Lai, Quảng Nam hầu hết là vùng núi cao hiểm trở, điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Tình trạng mưa lũ, sạt lở đất, đá, ngập úng hoa màu, hư hỏng công trình giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Đặc biệt những năm gần đây thời tiết thay đổi bất thường đã khiến cho tình trạng cơ sở hạ tầng nơi đây ngày càng xuống cấp nghiêm trọng hơn.

Trong những năm qua được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, công nghệ thông tin, liên lạc vv từ nguồn vốn các chương trình như 135, 30a, giảm nghèo Tây nguyên, nông thôn mới vv các công trình, các nguồn hỗ trợ từ các chương trình này đã từng bước thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn vùng miền núi, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nơi đây đã nâng lên rõ rệt, một số ít đã thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Tuy nhiên, là địa bàn rộng, dân cư thưa, địa hình phức tạp, phần lớn dân số là người dân tộc thiểu số, xuất phát điểm thấp, tập quán sinh hoạt và sản xuất còn lạc hậu và phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Hàng năm phải gánh chịu liên tục tình trạng mưa lũ gây sạt lở, sa bồi thủy phá vv.

Mặc dù đã được đầu tư, nhưng do điều kiện địa hình phức tạp, dân cư thưa thớt, nền kinh tế còn thấp nên mức độ đầu tư cơ sở hạ tầng vùng núi còn nhỏ lẻ, manh mún, đồng thời các công trình phải gánh chịu điều kiện thời tiết khắc nghiệt dẫn đến nhanh chóng lạc hậu, hư hỏng, xuống cấp.

Cơ sở hạ tầng yếu kém là nhân tố cơ bản làm cản trở các hoạt động sinh kế và phát triển đời sống của nhân dân vùng miền núi. Thực trạng vùng miền núi cho thấy (i) Kết cấu hạ tầng giao thông còn nhiều hạn chế dẫn đến chi phí vận chuyển cao, giao thương hàng hóa hạn chế; (ii) Công trình thủy lợi quy mô nhỏ chưa chủ động nguồn nước dẫn đến sản xuất phụ thuộc làm giảm hiệu quả sản xuất, chưa chủ động đa dạng cây trồng; (iii) Các công trình cấp nước sinh hoạt đã được đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, khai thác nước từ các khe suối, mạch nước nhỏ nên phụ thuộc vào thời tiết (nắng thì khô, mưa thì bùn, đục vv) do vậy không phát huy hiệu quả, nhân dân luôn trong tình trạng thiếu nước sinh hoạt hoặc có nước không đảm bảo vệ sinh; (iv) Thời tiết phức tạp nên hoạt động sản xuất gặp nhiều rủi ro thiên tai, địa hình chia cắt, đất đai phân tán quy mô sản xuất nhỏ lẻ, mang mún; (v) Hệ thống cung ứng các dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất còn hạn chế nên khả

năng tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sản xuất gặp nhiều khó khăn; (vi) Thiếu kết nối thị trường đầu ra do vậy sản phẩm nông, lâm, thủy sản vv khó phát triển thành hàng hóa thương phẩm; (vii) Giao thương hạn chế dẫn đến mức độ tiếp cận khoa học, kỹ thuật và các ứng dụng tiên tiến vào sản xuất còn hạn chế dẫn đến phương thức sản xuất cũ còn duy trì, năng suất và chất lượng thấp không đảm bảo cạnh tranh.

Từ thực trạng thiên nhiên và con người vùng miền núi Quảng Ngãi, từ lâu Đảng và Nhà nước đã quan tâm và đặt nhiều chương trình, mục tiêu nhằm phát triển khu vực còn nhiều tiềm năng.

Trong những năm qua kinh tế Quảng Ngãi có nhiều chuyển biến tích cực; công tác giảm nghèo đã đạt nhiều thành quả quan trọng góp phần tích cực vào phát triển đời sống xã hội toàn tỉnh nói chung và khu vực miền núi nói riêng. Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo nói chung của tỉnh còn khá cao (bình quân toàn tỉnh năm 2020 là 6,41%, vùng miền núi chiếm 22,01%).

Những nỗ lực đã và đang được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra: Trong những năm qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi cùng các Sở, Ngành và các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đã nỗ lực tìm kiếm các nguồn lực nhằm đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình đã xây dựng bị hư hỏng xuống cấp và các công trình phòng chống thiên tai nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và thích ứng biến đổi khí hậu. Trong đó, từ năm 2017, ngay sau khi có văn bản hướng dẫn việc triển khai Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số của UB dân tộc (UBDT), UBND tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cùng các đơn vị có liên quan và UBND các huyện miền núi của tỉnh triển khai các nhiệm vụ theo đúng yêu cầu. Theo đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đề xuất dự án và được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề xuất dự án tại văn bản số 5753/VPCP-QHQT ngày 01/7/2019, với các nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổng mức đầu tư là 792,026 tỷ đồng (tương ứng 34,22 triệu USD). Trong đó: Tổng vốn vay ADB: 29,38 triệu USD.

- Nội dung (kết quả) chính của dự án:

- + Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông gồm 04 hợp phần: (i) Nâng cấp đường giao thông liên xã Ba Bích - Ba Lễ, huyện Ba Tơ, (ii) Nâng cấp đường ĐH.83 Sơn Tân - Sơn Lập, huyện Sơn Tây, (iii) Xây dựng đường Liên xã Trà Tân - Cà Đam, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và (iv) Nâng cấp, sửa chữa 02 tuyến đường của huyện Tây Trà;

+ Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp, gồm 01 tiểu dự án: Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long;

+ Đầu ra 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phạm vi thực hiện dự án: Gồm 05 huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Tây Trà và Trà Bồng.

- Thời gian thực hiện dự kiến: 2021 – 2025.

Tuy nhiên, Dự án phải sàng lọc, điều chỉnh các đầu ra 1, 2 để đảm bảo theo các tiêu chí của Nhà tài trợ, do đó kéo dài thời gian chuẩn bị dự án dẫn đến một số công trình mang tính cấp bách địa phương đã đầu tư bằng nguồn vốn khác. Bên cạnh đó các quy định về quản lý đầu tư công, quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có thay đổi (Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ). Do đó, Nội dung Đề xuất dự án có một số thay đổi. Cụ thể như sau:

- Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 750,208 tỷ đồng (tương đương khoảng 32,991 triệu USD. Trong đó: Tổng vốn vay ADB: 23,503 triệu USD.

- Nội dung (kết quả) chính của dự án:

+ Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, gồm 02 tiểu dự án, trong đó gồm: (i) Tiểu dự án: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân - Cà Đam, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và (ii) Tiểu dự án: Nâng cấp tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp gồm 07 Tiểu dự án, trong đó gồm: (i) 03 Tiểu dự án Cấp nước sinh hoạt, (ii) 03 Tiểu dự án Thủy lợi và (iii) 01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở.

+ Đầu ra 3 (không thay đổi): Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phạm vi thực hiện dự án: Gồm 04 huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây và Trà Bồng.

- Thời gian thực hiện dự kiến: 2023 – 2026.

Các nội dung điều chỉnh, bổ sung này đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi gửi Công văn số 307/UBND-KGVX ngày 21/01/2022 tới ADB và ADB đã có Thư gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/2/2022, theo đó ADB không phản đối về các tiểu dự án do UBND tỉnh đề xuất và đề nghị UBND tỉnh tiến hành các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giao các đơn vị có chức năng của tỉnh lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và có văn bản xin ý kiến góp ý của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban Dân tộc (tại Công văn số 3792/UBND-KGVX ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh) trước khi trình HĐND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, theo Công văn số 13096/BTC-QLN ngày 12/12/2022 Bộ Tài chính có ý kiến: “Do nhiều nội dung chính của Dự án thay đổi so với Đề xuất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý của việc điều chỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các thay đổi này và trình phê duyệt lại đề xuất Dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, để có căn cứ phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án theo đúng quy định”. Nội dung ý kiến của Bộ Tài chính cũng trùng với hướng dẫn Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh Đề xuất dự án tại Điểm b, Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Trên cơ sở các quy định hiện hành và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc. UBND tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải) lập Đề xuất dự án điều chỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng xem xét, phê duyệt điều chỉnh.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN (Điều chỉnh)

1. Mục tiêu, địa điểm, quy mô, phạm vi của chương trình, dự án:

1.1 Mục tiêu dự án:

a. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của dự án là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS thông qua cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, các công trình CSHT tổng hợp như hạ tầng cấp nước sinh hoạt, công trình thủy lợi, công trình khắc phục sạt lở bờ sông...

b. Mục tiêu cụ thể

Cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người dân tộc thiểu số theo hướng bền vững thông qua các đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển dịch kinh tế và bảo vệ môi trường, nguồn nước sạch của người dân trong vùng dự án và các vùng lân cận, cụ thể như sau:

- Việc thực hiện dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo,

nâng cao mức sống của đồng bào DTTS thông qua cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, các công trình CSHT tổng hợp như hạ tầng cấp nước sinh hoạt, công trình thủy lợi, công trình khắc phục sạt lở bờ sông,... Bên cạnh đảm bảo hiệu quả kinh tế, Dự án còn có ý nghĩa xã hội, nhân văn. Dự án tập trung đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, người hưởng lợi trực tiếp là đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng nghèo và dễ bị tổn thương. Dự án được triển khai sẽ thay đổi tư duy canh tác cũ, hạn chế nạn phá rừng làm nương rẫy, di dân tự do, góp phần ổn định định canh, định cư, phát triển sản xuất, phát triển làng nghề truyền thống, phát triển và bảo vệ rừng, giữ gìn ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cho địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở hạ tầng hỗ trợ phục vụ sản xuất, phát triển du lịch có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cấp nước sạch cho các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người DTTS.

- Sửa chữa, khôi phục các công trình thủy lợi bị hư hỏng nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo nguồn an ninh lương thực và ổn định cuộc sống định cư cho đồng bào DTTS vùng miền núi.

- Nâng cấp công nghệ và hệ thống kỹ thuật hỗ trợ phát triển và quản lý cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu như cảnh báo lũ lụt, sạt lở đất, biến đổi khí hậu... Cảnh báo sớm các thiên tai để giảm thiểu thấp nhất ảnh hưởng thiệt hại về người và vật chất khu vực dự án và vùng dễ xảy ra thiên tai.

- Góp phần củng cố, giữ vững và đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trong khu vực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các dự án dân sinh, kinh tế khác.

- Phòng hộ, cứu nạn, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp, khu dân cư, tạo tuyến giao thông khớp nối giữa vùng ngập lụt và không ngập lụt, phục vụ ứng cứu và chạy lũ khi có tình huống xấu trong mưa bão.

- Đảm bảo giao thông thông suốt, rút ngắn được khoảng cách giữa các xã, khu vực và trung tâm huyện.

1.2 Địa điểm xây dựng:

Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số” (CRIEM) tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đầu tư xây dựng cải tạo, khôi phục, nâng cấp các công trình giao thông, cấp nước sinh hoạt, thủy lợi và kè chống sạt lở bờ sông thuộc địa bàn 04 huyện miền núi, gồm các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng và huyện Sơn Tây.

1.3 Quy mô, phạm vi của dự án:

a. Các đầu ra của dự án: Dự án gồm 03 Đầu ra:

- a1. Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông bao gồm 02 tiểu dự án;
- a2. Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp, gồm 07 Tiểu dự án, trong đó: 03 Tiểu dự án cấp nước sinh hoạt; 03 Tiểu dự án thủy lợi; 01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở.
- a3. Đầu ra 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu. Nguồn kinh phí dự kiến 1,0 triệu USD do ADB viện trợ không hoàn lại.

b. Quy mô dự án:

Quy mô dự kiến của các công trình được thể hiện tóm tắt trong Bảng 2

Bảng 1:

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
A	Đầu ra 1:	Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông
1	QNg-01: Nâng cấp tuyến đường Trà Tân – Cà Đam huyện Trà Bồng	+ Mục tiêu: Giải quyết mối giao lưu giữa các xã phía Tây Nam của huyện Trà Bồng với trung tâm Cụm xã Tân Bùi đi về hướng thành phố Quảng Ngãi (qua QL24B), cũng như kết nối với tuyến đường Di Lăng - Trà Trung (ĐT.626) về trung tâm huyện Sơn Hà và huyện Tây Trà (cũ) qua tuyến đường từ đường Di Lăng - Trà Trung (ĐT.626) đi thôn Quế, đi huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam qua QL24C sẽ tạo ra một động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn của huyện Trà Bồng, điều này có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của nhân dân trong xã. Tuyến đường sẽ giải quyết được nhu cầu đi lại thiết thực của nhân dân, tuyến xuyên suốt qua các xã sẽ tạo được điều kiện giao lưu, trao đổi kinh tế, xóa bỏ cách làm ăn tự cấp, tự túc và có đường cho con em học sinh đến trường, cơ hội mới cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo của các xã trong vùng dự án + Phạm vi: Dự án dự kiến triển khai trên địa bàn xã Trà Tân, Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. + Quy mô: Dự án được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (TCVN 4054-05). Chiều dài L=14,5 km, và các công trình trên tuyến. + Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Dự kiến là 85,0 tỷ đồng; + Đối tượng hưởng lợi: Khoảng trên 4.235 người dân trong đó có khoảng 91% là người dân tộc thiểu số của các xã Trà Tân và Trà Bùi.
2	QNg-02: Nâng cấp tuyến đường từ đường Trường Sơn Đông	+ Mục tiêu: Tuyến đường được đầu tư sẽ kết nối từ đường Trường Sơn Đông với các xã Sơn Mùa, Sơn Liên của huyện Sơn Tây và được kết nối với đường tỉnh ĐT.676 tại km63+646 thuộc xã ĐăkNên, huyện KonPlong, tỉnh KonTum. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng tạo mối giao thương liên kết các xã thuộc huyện Sơn Tây, huyện Konplong và thành

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
	đi xã Sơn Liên huyện Sơn Tây	phố Quảng Ngãi, tạo thành một trục giao thông liên hoàn vùng Đông Bắc tỉnh Kon Tum và vùng Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi. Tuyến đường từ Trường Sơn Đông đi xã Sơn Liên của huyện Sơn Tây và được kết nối với Hồ Chí Minh, Đắk Hà, tỉnh Kon Tum được Quy hoạch là tuyến Quốc lộ 24D tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. + Phạm vi: Dự án dự kiến triển khai trên địa bàn xã Sơn Mùa và xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. + Quy mô: Nâng cấp mở rộng nền, mặt đường đoạn từ Km1+380 – Km18+00 trên cơ sở tuyến đường hiện hữu, đảm bảo theo tiêu chuẩn đường Cấp V- miền núi (Theo TCVN 4054-05). Chiều dài đoạn tuyến xây dựng là: L = 16,62km + Tổng mức đầu tư: Khoảng 178,0 tỷ đồng. + Đối tượng hưởng lợi: Số hộ hưởng lợi trực tiếp khoảng 1.258 hộ (khoảng 5.200 người dân, trong đó khoảng 4.653 người dân tộc Ca Dong) trong các xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra số người hưởng lợi gián tiếp lên đến hàng trăm nghìn người dân trong các khu vực lân cận (huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và H. Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi) lưu thông trên tuyến này.
B	Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp	
B.1	03 Tiểu dự án cấp nước sinh hoạt	
3	QNg-03: Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Ba Tơ (TT Ba Tơ và xã Ba Động)	Mục tiêu: - Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế, giải quyết nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt, cải thiện chất lượng cuộc sống, cải tạo vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của dân cư Thị trấn Ba Tơ và xã Ba Động. Phạm vi: Dự án được dự kiến xây dựng trên địa bàn Thị trấn Ba Tơ và Xã Ba Động huyện Ba Tơ. Qui mô: - Công suất cấp nước : 3.000m³/ngđ. - Hạng mục công trình Đầu tư xây dựng mới: + Công trình thu nước. + Trạm bơm cấp nước + Trạm xử lý nước. + Tuyến ống truyền dẫn nước sạch. - Tần suất đảm bảo tưới: P= 90% Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Khoảng 40,0 tỷ đồng;

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		Đối tượng hưởng lợi: Gồm 2706 hộ gia đình với 9894 nhân khẩu, trong đó có 1014 hộ với hơn 3445 khẩu là đồng bào dân tộc Hre.
6	QNg-04: Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Trà Bồng (xã Trà Sơn, TT Trà Xuân, xã Trà Phú và xã Trà Bình)	Mục tiêu: Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế, giải quyết nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt, cải thiện chất lượng cuộc sống, cải tạo vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của dân cư các xã Trà Sơn, Trà Phú, Trà Bình và TT Trà Xuân huyện Trà Bồng. Phạm vi: Dự án được dự kiến xây dựng trên địa bàn Thị trấn Trà Xuân, các xã Trà Sơn, Trà Phú và Trà Bình huyện Trà Bồng Quy mô dự kiến: - Công suất cấp nước : 3.500m³/ngđ. - Hạng mục công trình Đầu tư xây dựng mới: + Công trình thu nước. + Trạm bơm cấp nước + Trạm xử lý nước. + Tuyến ống truyền dẫn nước sạch. - Tần suất đảm bảo tưới: P= 90% Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Khoảng 52,0 tỷ đồng; Đối tượng hưởng lợi: Gồm 5814 hộ gia đình với 20.052 nhân khẩu, trong đó có 347 hộ với hơn 1370 khẩu là đồng bào dân tộc Cor.
7	QNg-05: Xây dựng hệ thống tưới và cấp nước sinh hoạt xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà	Mục tiêu: - Cung cấp nước tưới chủ động cho khoảng 95 ha đất canh tác. Đảm bảo nguồn lương thực tại chỗ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua việc nâng cao năng suất cây trồng và chuyển đổi từ cây trồng truyền thống sang các loại cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng có giá trị kinh tế cao. - Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 01-1/2018/BYT của Bộ Y tế, giải quyết nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt, cải thiện chất lượng cuộc sống, cải tạo vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của dân cư xã Sơn Bao huyện Sơn Hà. Phạm vi: Dự án được dự kiến xây dựng tại xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Quy mô dự kiến: - Tuyến ống: tuyến ống chính dài 13km gồm 02 đường ống cấp nước sinh hoạt và cấp nước nông nghiệp. - Khu xử lý nước và Tuyến ống nhánh cấp nước sinh hoạt - Các tuyến kênh nội đồng cung cấp nước tưới.

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		Tổng mức đầu tư : Dự kiến là 31,0 tỷ đồng; Đối tượng hưởng lợi: Gồm 679 hộ với 2.697 người, trong đó có khoảng 1.998 người dân tộc H're.
B2	03 Tiểu dự án thủy lợi	
1	Tiểu dự án QNg06: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Ba Tơ (gồm công trình: Ka La, Mang Voang, đập Làng Xi, Đập Nước Lầy, Cụm Đập Tà Noát-Am Ré, Đập Mang Biều)	Mục tiêu: Sửa chữa; Khôi phục và nâng cấp 06 cụm công trình thủy lợi nhằm đảm bảo cấp nước tưới tự chảy cho 420ha đất sản xuất nông nghiệp thuộc các xã Ba Vinh, Ba Tô, Ba Ngạc và Ba Tiêu huyện Ba Tơ. Phạm vi: Xây dựng trên địa bàn các xã Ba Vinh, Ba Tô, Ba Ngạc và Ba Tiêu huyện Ba Tơ Quy mô dự kiến: - Cụm đầu mối thu nước: Đầu tư sửa chữa 02 đập đã có bằng bê tông đã bị hư hỏng gồm: Đập Mang Biều và Nước Lầy; Khôi phục và nâng cấp 04 đập đã có bằng đất, đá v.v đã bị lũ cuốn trôi gồm: Đập Ka la, Đập Mang Voang, đập Làng Xi và đập Tà Noát- Am ré . - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Đầu tư xây dựng các tuyến kênh với tổng chiều dài L= 26,5km. Trong đó: Xây dựng trên nền kênh đã có L = 10,0km, xây dựng tuyến mới L = 16,5km. Lưu lượng thiết kế kênh Qtk = 0,01÷0,30m³/s. - Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng các tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với tổng chiều dài 6,0km. Cụ thể như sau: - Đập Ka La: Thiết kế cấp nước tưới cho 120 ha. + Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Tổng chiều dài đập L= 70m, Chiều cao đập Hamx = 5,5m (Phân nhô lên mặt đất h= 2,5m). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài L= 4,0km, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 0,5km và xây dựng mới 3,5km, lưu lượng thiết kế kênh Q = 0,30 ÷ 0,01m³/s. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT. - Đập Mang Voang: Thiết kế cấp nước tưới cho 25ha. + Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Chiều dài đập L= 41m, Chiều cao đập Hamx = 4,0m (Phân nhô lên mặt đất h= 2,0m). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài L=2,0km, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 0,5km và xây dựng mới 1,5km, lưu lượng thiết kế kênh Q = 0,05 ÷ 0,01 m³/s. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT.

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		- Đập Làng Xi: Thiết kế cấp nước tưới cho 110ha. + Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Chiều dài đập $L = 50\text{m}$, Chiều cao đập $H_{\text{max}} = 4,5\text{m}$ (Phân nhô lên mặt đất $h = 2,5\text{m}$). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 4,0\text{km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $1,5\text{km}$ và xây dựng mới $2,5\text{km}$ lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,27 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT. - Đập Nước Lầy: Thiết kế cấp nước tưới cho 45ha + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông dài 20m, cao $H_{\text{max}} = 3,5\text{m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,0\text{km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $1,5\text{km}$ và xây dựng mới $3,5\text{km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,11 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT. - Đập Tà Noát – Am Ré: Thiết kế cấp nước tưới cho 60ha + Cụm đầu mối thu nước: Khôi phục đập cũ là đập bồi bằng đất, đá bị lũ cuốn trôi thành đập mới bằng bê tông và BTCT. Chiều dài đập $L = 30\text{m}$, Chiều cao đập $H_{\text{max}} = 5,0\text{m}$ (Phân nhô lên mặt đất $h = 2,0\text{m}$). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 6,0 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $3,5\text{km}$ và xây dựng mới $2,5\text{km}$ lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,15 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT. - Đập Mang Biều: Thiết kế cấp nước tưới cho 60ha + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông dài 20m, cao $H_{\text{max}} = 3,5\text{m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $2,5\text{km}$ và xây dựng mới $3,0\text{km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,15 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $1,0\text{km}$, nền đường rộng $5,0\text{m}$, mặt đường rộng $3,5\text{m}$ bằng BT. Tổng mức đầu tư: 92,5 tỷ đồng

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		Đối tượng hưởng lợi: Gồm 1.066 hộ với 3.993 người, trong đó hầu hết là dân tộc H're.
2	Tiểu dự án QNg07: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Trà Bồng (gồm công trình: Xen Bay, Nước Nun, Hồ Hổ Leo)	Mục tiêu: Sửa chữa; Khôi phục và nâng cấp các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo cấp nước tưới tự chảy cho 166ha đất sản xuất nông nghiệp thuộc các xã Trà Sơn, Trà Phú và TT Trà Xuân huyện Trà Bồng. Phạm vi: Xây dựng trên địa bàn các xã Trà Sơn, Trà Phú và TT Trà Xuân huyện Trà Bồng. Quy mô dự kiến: - Cụm đầu mối thu nước: Đầu tư sửa chữa 01 cụm đập bê tông bị hư hỏng nhỏ (đập Xen Bay); sửa chữa 01 cụm đầu mối đập đất; Khôi phục và nâng cấp 01 cụm đập bồi bị lũ cuốn trôi (Đập Nước Nun). - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Tổng chiều dài tuyến kênh đầu tư xây dựng L= 11,0km. Trong đó: Xây dựng trên nền kênh đã có L = 3,6km, xây dựng tuyến mới L = 7,4km. Lưu lượng thiết kế kênh Q_{tk} = 0,01÷0,23m³/s. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng các tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 1,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT. Cụm thể như sau: - Cụm đập Xen Bay (Xen Bay trên và Xen Bay dưới): Thiết kế cấp nước tưới tự chảy cho 116ha (116=96 +20ha). + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa tuyến đập Xen bay trên bằng bê tông, chiều dài L= 10 m, Chiều Hamx = 1,5m (Phân nhô lên mặt đất h= 1,1 m). Sửa chữa tuyến đập Xen Bay dưới bằng bê tông, chiều dài L= 50 m, Chiều Hamx = 2,5m (Phân nhô lên mặt đất h= 2,2 m). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT với tổng chiều dài 7,3km, bao gồm: kênh Đập Xen Bay trên dài L=3,5km và kênh đập Xen Bay dưới dài L=3,8km. Trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 1,9km và xây dựng mới 5,4km, lưu lượng thiết kế kênh Q = 0,23 ÷ 0,01 m³/s. - Đập Nước Nun: Thiết kế cấp nước tưới cho 25ha. + Cụm đầu mối thu nước: Xây dựng mới tuyến đập bằng bê tông, chiều dài L= 20m, Chiều Hamx = 3,5 (Phân nhô lên mặt đất h= 2,4m). + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên tuyến bằng BTCT dài L=3,2km. Trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có 1,2km và xây dựng mới 2,0km, lưu lượng thiết kế kênh Q = 0,06 ÷ 0,01 m³/s. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài 0,5km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT. - Hồ Hổ leo: Thiết kế cấp nước tưới cho 25ha + Cụm đầu mối hồ chứa nước: Đập đất (Chiều cao H=5m; chiều dài L=50m): Gia cố lại mái đập bằng BT và BTCT M250 (đoạn hư hỏng).

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		Chống thấm thân đập bằng chân khay thượng lưu. Tràn xả lũ (Bề rộng B=4,0m, cao H=1,3m): Sửa chữa, gia cố tuyến tràn bằng BTCT đảm bảo an toàn tháo lũ. Nâng cao tường vai phần không tràn để đảm bảo không xói lở vai tràn. Gia cố hạ lưu hai vai tràn để tránh sạt lở đe dọa đến công trình và nhà dân. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Kênh và CTTK: Kiên cố hóa trên nền kênh đã có L=0,5km; Lưu lượng thiết kế $Q_{tk} = 0,06 \text{ m}^3/\text{s}$; + Đường thi công kết hợp quản lý: L= 500m, kích thước B=3,5m, kết cấu BTXM M250 dưới lót đá dăm 1x2cm - Tổng mức đầu tư : 29,5 tỷ đồng - Đối tượng hưởng lợi: Gồm 1.824 hộ với 8.250 người, trong đó hầu hết là dân tộc Cor.
3	Tiểu dự án QNg08: Khôi phục các công trình thủy lợi huyện Sơn Hà (gồm công trình: kênh Hồ chứa nước Di Lăng, đập Pring, đập Nước Lác, đập Tà Pa và đập Xô Lô)	Mục tiêu: Sửa chữa; Khôi phục và nâng cấp các công trình thủy lợi đã bị hư hỏng nhằm đảm bảo cấp nước tưới tự chảy cho 1.128ha đất sản xuất nông nghiệp thuộc các xã Sơn Thành, Sơn Trung, Sơn Hải, Sơn Thượng, Sơn Cao và TT Di Lăng huyện Sơn Hà. Phạm vi: Xây dựng trên địa bàn các xã Sơn Thành, Sơn Trung, Sơn Hải, Sơn Thượng, Sơn Kỳ và TT Di Lăng huyện Sơn Hà. Quy mô dự kiến: - Cụm đầu mối thu nước: Đầu tư sửa chữa 04 cụm đập bê tông bị hư hỏng bao gồm: đập Pring; Đập Nước Lác; đập Tà Pa và đập Xô Lô. - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Tổng chiều dài tuyến kênh đầu tư xây dựng L= 36,5km. Trong đó: Xây dựng trên nền kênh đã có L = 22,5km, xây dựng tuyến mới L = 14,0km. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 1,25 \text{ m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình (đập Xô Lô) với chiều dài 5,0km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng BT. + Nhà quản lý: khôi phục 01 nhà quản lý đã có. Cụm thể như sau: (1) Kênh Hồ chứa nước Di Lăng: Thiết kế cấp nước tưới cho 453ha - Khôi phục lại 14,6km kênh bằng vật liệu bê tông cốt thép, mặt cắt kênh hình chữ nhật, theo tuyến hiện trạng. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,12 \div 0,56 \text{ m}^3/\text{s}$ - Xây dựng mới 4,4km kênh, mặt cắt kênh hình chữ nhật, vật liệu kênh bằng bê tông cốt thép để cung cấp nước tưới chủ động. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 0,12 \text{ m}^3/\text{s}$ - Tổng chiều dài kênh sửa chữa và làm mới dài 19km. (2) Đập Pring: Thiết kế cấp nước tưới cho 250ha - Cụm đầu mối: sửa chữa thay mới thiết bị cơ khí cửa lấy nước và cống xả cát. - Khôi phục lại 8,6km kênh bằng vật liệu bê tông cốt thép, mặt cắt kênh

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		hình chữ nhật, đảm bảo như mặt cắt kênh hiện trạng, làm mới một số công trình trên kênh để phục vụ vận hành, điều tiết nước. Lưu lượng thiết kế kênh $Q_{tk} = 0,01 \div 0,60 \text{ m}^3/\text{s}$ (3) Đập Nước Lác: Thiết kế cấp nước tưới cho 150ha - Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa, nâng cao đỉnh đập, sửa chữa cống lấy nước, cống xả cát và hai vai đập nhằm đảm bảo lấy nước tưới tự chảy theo yêu cầu vùng tưới phía hạ lưu. - Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $2,5 \text{ km}$ và xây dựng mới $3,0 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,3 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. (4) Đập Tà Pa: Thiết kế cấp nước tưới cho 125ha + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông tông dài 30 m, cao $H_{\max} = 3,5 \text{ m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 2,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $1,5 \text{ km}$ và xây dựng mới $1,0 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,25 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. (5) Đập Xô Lô: Thiết kế cấp nước tưới cho 150ha + Cụm đầu mối thu nước: Sửa chữa các hư hỏng của tuyến đập bằng bê tông tông dài 50 m, cao $H_{\max} = 4,5 \text{ m}$ và các chi tiết thuộc cụm đầu mối thu nước đã có. + Tuyến kênh và công trình trên kênh: Cải tạo và xây dựng mới tuyến kênh và công trình trên kênh bằng BTCT dài $L = 5,5 \text{ km}$, trong đó: xây dựng trên nền kênh đã có $3,5 \text{ km}$ và xây dựng mới $2,0 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế kênh $Q = 0,30 \div 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$. + Đường thi công kết hợp quản lý công trình: Đầu tư xây dựng 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý công trình với chiều dài $4,0 \text{ km}$, nền đường rộng $5,0 \text{ m}$, mặt đường rộng $3,5 \text{ m}$ bằng BT. Tổng mức đầu tư : Khoảng 93,0 tỷ đồng. Đối tượng hưởng lợi: Gồm 2.736 hộ với 10.802 người, trong đó 1642 hộ với 6480 khẩu là dân tộc Hre.
B.3	Tiểu dự án Kè chống sạt lở	
1	Tiểu dự án QNg09: Khắc phục sạt lở bờ sông Trà Bồng và sông Giang đoạn qua huyện Trà Bồng	Mục tiêu: Khắc phục sạt lở bờ sông Trà Bồng đoạn qua các khu dân cư của xã Trà Thủy, Trà Sơn, xã Trà Phú và Thị trấn Trà Xuân nhằm bảo vệ cho khoảng 376 hộ (Bảo vệ Trực tiếp 105 + vùng lân cận: 271) với 1.473 người, đường giao thông liên huyện (04 vị trí), hạ tầng kỹ thuật gần bờ sông gồm đường sá, cầu cống trụ sở cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn..., đất sản xuất của người dân Phạm vi: Xây dựng kè chống sạt lở bờ Trà Bồng qua khu dân cư của xã Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Phú và Thị trấn Trà Xuân Quy mô dự kiến:

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		- Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng dạng kè mái nghiêng bằng tấm bê tông xếp trong khung BTCT với tổng chiều dài 2,52km, bao gồm 04 đoạn tuyến. Chiều cao kè $H = (4\div 10)m$. - Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Giang dạng kè mái nghiêng bằng tấm bê tông xếp trong khung BTCT với tổng chiều dài 2,70km, bao gồm 04 đoạn tuyến. Chiều cao kè $H = (4\div 7,5)m$. Tổng mức đầu tư: 100,0 tỷ đồng Đối tượng hưởng lợi: Gồm 613 hộ với 2643 người, trong đó hầu hết là dân tộc H're. Trong đó: (Kè sông Trà Bồng: Gồm 376 hộ (Bảo vệ Trực tiếp 105+ vùng lân cận: 271) với 1.473 người. Kè sông Giang: Gồm 260 hộ (Bảo vệ Trực tiếp 60+ vùng lân cận: 200 hộ với 1.170 người).
C	Đầu ra 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu	Mục tiêu: Lắp đặt các hệ thống để dự báo và theo dõi các sự kiện khí hậu cực đoan nhằm cung cấp thông tin cho quy hoạch, đầu tư và quản lý hạ tầng. Các hệ thống đó bao gồm các trạm khí tượng thủy văn tiên tiến, cảm biến từ xa, nâng cấp các hệ thống quản lý dữ liệu bờ trợ. Các hệ thống này sẽ tạo điều kiện ra quyết định tốt hơn nhờ có dữ liệu địa phương đáng tin cậy hơn được điều chỉnh theo tác động biến đổi khí hậu dự báo đối với các yếu tố thủy văn và được dùng làm thông tin điều vào để thiết kế kỹ thuật chi tiết. Phạm vi: Trên toàn tỉnh Quảng Ngãi. Quy mô dự kiến: Đầu tư xây dựng, lắp đặt và ứng dụng các công nghệ đối với các trạm khí tượng, thủy văn cụ thể: - Trạm khí tượng hải văn tự động: 01 Trạm đáp ứng việc đo gió, lượng mưa đo sóng, dòng chảy, mực nước. - Trạm đo mặn tự động cố định: 03 trạm đặt tại sông Trà Bồng (01 trạm), sông Trà Khúc (01 trạm) và sông Vệ (01 trạm). - Hệ thống trạm cảnh báo lũ sớm và ngập lụt hạ du: 01 Hệ thống, bao gồm 07 trạm đo mực nước tự động; 03 camera giám sát; 10 trạm đo mưa tự động. - Trạm cảnh báo giông sét: 01 trạm đáp ứng hiển thị dữ liệu trên màn hình trung tâm, còi báo động khi chuẩn bị có giông sét. - Hệ thống CDH: 01 hệ thống có chức năng: lưu trữ các loại dữ liệu khí tượng thủy văn, hải văn, hồ chứa trong quá khứ (đã được số hóa), dữ liệu quan trắc tự động trong dự án CRIEM; hiển thị dữ liệu tích hợp; trích xuất dữ liệu, tạo báo cáo theo yêu cầu người sử dụng. - Thiết bị đo mặn cảm tay: 02 thiết bị đo mặn di động. - Thiết bị đo hải văn điều khiển từ xa: 01 thiết bị có điều khiển từ xa (đo sóng, dòng chảy). - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ, tuyên truyền phổ biến kiến thức.

TT	Công trình	Mô tả đặc điểm kỹ thuật chính
		Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự án là 1 triệu USD, lấy từ nguồn vốn tài trợ không hoàn lại của ADB.

2. Dự kiến kết quả chính của chương trình, dự án:

Kết quả chủ yếu của dự án là:

Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông

Dự án đầu tư 02 tiểu dự án về nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn liên xã thuộc các huyện: Sơn Tây và Trà Bồng với tổng chiều dài 31,12km đường có tính tới yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu (đường, cầu, đập tràn, gia cố taluy...), cải tạo và nâng cấp đường giao thông, nhằm cải thiện tính kết nối và tiếp cận giao thông đặc biệt tới các cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số, kết nối những khu vực đất đai phì nhiêu nhưng xa xôi với những vùng kinh tế phát triển hơn của địa phương.

Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp, bao gồm 07 tiểu dự án:

- 03 tiểu dự án cấp nước sinh hoạt

Xây dựng 03 tiểu dự án cấp nước sinh hoạt trên địa bàn các huyện Ba Tơ, huyện Trà Bồng và Sơn Hà nhằm cung cấp nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh theo quy định hiện hành của Bộ Y Tế cho hơn 30.000 người năm 2025 và 40.000 người đến năm 2030.

- 03 Tiểu dự án thủy lợi

Xây dựng cải tạo, khôi phục và sửa chữa nâng cấp 03 tiểu dự án thủy lợi thuộc các huyện Ba Tơ, Trà Bồng và Sơn Hà nhằm phục vụ nước tưới cho hơn 1.714ha đất sản xuất nông nghiệp (Ba Tơ 420ha; Trà Bồng 166ha; Sơn Hà 1.128ha), tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu; làm cơ sở cho việc xây dựng được những khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra chuỗi giá trị hướng đến xuất khẩu nông nghiệp. Tạo nguồn và phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại nhằm thực hiện chuyển đổi sang diện tích đất lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao; cây màu, cây ăn quả kết hợp áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào trong sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả giá trị cây trồng và tăng nguồn thu nhập cho 5.626 hộ và 23.045 người.

- 01 Tiểu dự án Kè chống sạt lở.

Xây dựng các công trình kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng và sông Giang với tổng chiều dài 5,22km nhằm bảo vệ trực tiếp cho hơn 165 hộ gia đình (Sông Trà Bồng 105 hộ, Sông Giang 60hộ) sống trong vùng ảnh hưởng sạt lở và hơn 450 hộ sinh sống vùng lân cận.

Đầu ra 3:

Xây dựng và nâng cấp thiết bị công nghệ, hệ thống cảnh báo, phân tích rủi ro hỗ trợ thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm phát huy tính hiệu quả và tính bền vững các công trình cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu.

3. Dự kiến thời gian thực hiện của chương trình, dự án.

Bảng 2: Dự kiến tiến độ thực hiện dự án

TT	Nội dung	Thời gian hoàn thành
A	Giai đoạn chuẩn bị	
1	Trình Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Tháng 5/2023
2	Phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư	Tháng 6/2023
3	UBND Phê duyệt Báo cáo khả thi (FS) các tiêu dự án	Tháng 9/2023
4	Đàm phán khoản vay	Tháng 10/2023
5	Ban Giám đốc ADB phê duyệt khoản vay	Tháng 12/2023
6	Ký Hiệp định và hiệu lực khoản vay	Tháng 12/2023
B	Giai đoạn thực hiện	
1	Tuyển chọn Tư vấn TKBVTC	Tháng 9/2023
2	Lập/Phê duyệt thiết kế BVTC	Tháng 12/2023
3	Tuyển chọn các Tư vấn GSXD và các Tư vấn khác (TV môi trường, đền bù tái định cư...)	Tháng 12/2023
4	Thông kê đền bù GPMB	Tháng 12/2023
5	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ	Tháng 01/2024
6	Lập HSMT và Tuyển chọn Nhà thầu xây dựng	Tháng 01/2024
7	Xây dựng công trình	Tháng 03/2024 -:- 12/2026
8	Kết thúc xây dựng và bàn giao	Tháng 01/2027
C	Giai đoạn kết thúc	
1	Báo cáo đánh giá cuối cùng	Tháng 06/2027

4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính:

4.1 Tổng mức đầu tư: 750,208 tỷ đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ, hai trăm không tám triệu đồng), tương đương 32,991 triệu USD (1USD = 22.740 đồng). Trong đó:

- Đầu ra 1: 273,200 tỷ đồng (khoảng 12,014 triệu USD);
- Đầu ra 2: 454,296 tỷ đồng (khoảng 19,977 triệu USD);
- Đầu ra 3: 22,740 tỷ đồng (khoảng 1,000 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại).

4.2 Nguồn vốn:

- Vốn vay ADB là 534,45 tỷ đồng, tương đương 23,503 triệu USD.
- Vốn viện trợ không hoàn lại là 22,740 tỷ đồng, tương đương 1,000 triệu USD.
- Vốn đối ứng ngân sách địa phương là 193,018 tỷ đồng, tương đương 8,488 triệu USD.

4.3 Điều kiện và điều khoản vay:

a. Điều kiện vay lại:

Theo các quy định của Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017, Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết Luật ngân sách, để UBND cấp tỉnh được vay lại vốn vay ODA phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Có chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

+ Chương trình, dự án đầu tư nêu trên có sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;

+ Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm đề nghị vay lại không vượt quá mức hạn mức dư nợ được phép;

+ Ngân sách địa phương cam kết trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

b. Khả năng đáp ứng điều kiện vay lại của tỉnh Quảng Ngãi

- Phân tích khả năng vay của tỉnh Quảng Ngãi

Khả năng vay vốn cho dự án được phân tích dựa trên số liệu dự báo về thu ngân sách, số liệu dư nợ và giải ngân của các dự án hiện tại và các dự án đang chuẩn bị của tỉnh. Số liệu làm việc với Sở Tài chính về khả năng vay nợ của tỉnh thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 3. Phân tích khả năng vay của tỉnh Quảng Ngãi

DVT: Tỷ đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9

I	Trần nợ công được phép theo quy định	4.422	3.984	3.912	6.489	4.272	4.536	5.527
	Kế hoạch vay và trả nợ vay							
II	Dư nợ đầu năm	182,94	180,33	163,82	183,7	204,36	414,3	617,3
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (WB8)	14,1	30,9	33,8	49,0	53,5	48,1	42,7
2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn vốn vay WB			0,0	16,8	54,3	107,7	127,8
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)			0,0	7,3	5,4	14,5	12,6
4	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Quảng Ngãi						92,8	185,6
5	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần Quảng Ngãi						74,8	187,0
6	Dự án Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi						4,7	9,4
7	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII)	168,8	149,4	130,0	110,6	91,2	71,7	52,2
III	Trả nợ gốc vay trong năm	19,4	19,4	24,4	26,8	26,7	29,5	32,4
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (WB8)	0,0		4,1	5,5	5,4	5,4	5,4
2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn vốn vay WB	0,0					2,8	5,7
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)	0,0		0,9	1,9	1,9	1,9	1,9
4	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII)	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4
IV	Vay trong năm	16,8	2,9	44,3	47,5	236,7	232,6	721,7
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (WB8)	16,8	2,9	19,3	10,0			

2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nguồn vốn vay WB			16,8	37,5	53,4	22,9	
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)			8,2	0,0	11,0		
4	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Quảng Ngãi					92,8	92,8	92,8
5	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần Quảng Ngãi					74,8	112,2	112,2
6	Dự án Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi					4,7	4,7	4,7
7	Xây dựng phát triển hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi							512,0
8	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII)							
V	Tổng dư nợ cuối năm	180,33	163,82	183,72	204,36	414,36	617,36	1.306,56
	Tỷ lệ dư nợ tính trên trần nợ công	4,1	4,1	4,7	3,1	9,7	13,6	23,6

Nguồn Sở Tài chính, năm 2023

Bảng số liệu dư nợ của tỉnh Quảng Ngãi cho thấy hiện tỷ lệ dư nợ vay tính trên trần nợ công của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là từ 4,7% - 23,6%, do đó Quảng Ngãi có thể sử dụng vốn vay để thực hiện dự án này.

4.4. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm (gắn với thời gian thực hiện chương trình, dự án).

a. Về tỷ lệ vay lại vốn vay ADB

Theo quy định của Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, Quảng Ngãi là địa phương có điều tiết về Ngân sách Trung Ương. Theo đó, áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 70% vốn vay ODA và cấp phát 30% vốn ODA.

b. Thời gian vay và lãi suất vay:

Theo hướng dẫn của công văn số 13563/BTC – QLN ngày 04/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công khai thông tin về khung điều kiện vay của 6 Ngân

hàng phát triển trên công thông tin điện tử của Chính Phủ và cơ chế vay cập nhật của khoản vay OCR công bố trên website của Ngân hàng Phát triển Châu Á ngày 16 tháng 3 năm 2023. Cơ chế tài chính của nguồn vốn vay thông thường cho dự án (OCR) lựa chọn cho dự án như sau:

- Thời gian vay: 25 năm
- Thời gian ân hạn: 5 năm
- Phí cam kết: 0,15%/năm
- Các loại phí: 0,15%/năm trên số tiền chưa giải ngân;
- Phụ phí 0,10% cho khoản vay có kỳ hạn trung bình từ 13-16 năm.
- Lãi suất: Bên vay có thể lựa chọn lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định. Theo bản công bố của ADB về khoản vay OCR tại thời điểm tháng 3 năm 2023. Lãi suất áp dụng cho khoản vay USD như sau:

$$\begin{aligned}\text{Lãi suất thả nổi} &= \text{SOFR 6 tháng} + \text{biên độ bất buộc} + \text{phụ phí} \\ &= 3,89122\% + 0,5\% + 0,1\% \\ &= 4,49122\%\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lãi suất cố định} &= \text{lãi suất cố định theo hợp đồng (fixed swap rate)} + \text{biên độ bất buộc} + \text{phụ phí} \\ &= 3,197\% + 0,5\% + 0,1\% \\ &= 3,797\%\end{aligned}$$

Để có cơ sở lập bảng kế hoạch trả nợ và tính toán khả năng vay, trả nợ cho tỉnh Quảng Ngãi, trong báo cáo này, giả thiết rằng cơ chế tài chính được chọn với mức lãi suất cố định, với mức lãi suất này, tỉnh sẽ trả lãi trong suốt vòng đời dự án ở mức 3,797%. Với lựa chọn này, lãi vay trong thời gian xây dựng là 26,468 tỷ đồng và tổng trả lãi và các loại phí trong suốt dự án là 196,798 tỷ đồng.

Bảng 4. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

TT	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư	Vốn đầu tư	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
		(Tỷ đồng)	(Triệu USD)	%
I	Vốn vay OCR của ADB	534,450	23,503	71,24
	Đầu ra 1	205,950	9,057	
	Đầu ra 2	328,50	14,446	
1	Cấp phát từ NSTW (30%)	160,340	7,051	
2	Địa phương vay lại (70%)	374,120	16,452	
II	Vốn viện trợ không hoàn lại (Đầu ra 3)	22,740	1,000	3,03
III	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	193,018	8,448	25,73
Tổng cộng (I+II+III)		750,208	32,991	100,00

c. Dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm (Trong thời gian thi công dự án)

Bảng 5: Dự kiến tiến độ giải ngân (tỷ đồng)

TT	Năm	Tỷ lệ	Giải ngân vốn vay phần NSTW cấp phát (30%)	Giải ngân vốn vay phần UBND tỉnh vay lại (70%)	Giải ngân vốn không hoàn lại	Giải ngân vốn đối ứng của tỉnh	Tổng cộng
1	2024	30.0%	48,101	112,235		57,905	218,240
2	2025	35.0%	56,117	130,940		67,556	254,614
3	2026	35.0%	56,117	130,940	22,740	67,556	277,354
	Cộng	100.0%	160,335	374,115	22,740	193,018	750,208

5. Phương án sử dụng vốn vay; sử dụng vốn đối ứng, phương án bảo đảm tiền vay, phương án trả nợ.

5.1 Phương án sử dụng vốn vay: Tổng cộng vốn vay 534,45 tỷ đồng tương ứng 23,503 triệu USD.

Bảng 6. Phương án sử dụng vốn vay

TT	Nội dung chi phí	Giá trị	
		Tỷ đồng	Triệu USD
1	Chi phí xây lắp	473,591	20,826
2	Chi phí thiết bị	12,273	0,540
3	Chi phí dự phòng	48,586	2,137
4	Tổng cộng	534,450	23,503

5.2 Phương án sử dụng vốn đối ứng: 193,018 tỷ đồng

Vốn đối ứng được chi trả cho các hoạt động còn lại của dự án bao gồm các khoản thuế VAT và các khoản chi lãi vay.

5.3 Phương án bảo đảm tiền vay: UBND tỉnh Quảng Ngãi có văn bản cam kết trả nợ.

5.4 Phương án trả nợ.

Trước khi thỏa thuận Hiệp định vay, UBND tỉnh sẽ có quyết định phê duyệt phương án sử dụng vốn vay và trả nợ vay cho dự án.

Phương án trả nợ vay đối với nguồn vốn vay ADB cho dự án Criem dự kiến như sau:

- Giai đoạn 01 (2024-2027): 04 năm đầu thực hiện dự án (trả lãi): Là giai đoạn triển khai chuẩn bị và thực hiện dự án. Theo điều khoản vay của ADB, lãi vay sẽ được tích lũy vào dư nợ phải trả (gốc hóa), nhằm tạo điều kiện cho bên vay

có thời gian chuẩn bị nguồn trả nợ và phân chia đều trả gốc và lãi dự kiến sẽ được tính từ năm 2027.

- Giai đoạn 02 (2027-2047): Các năm còn lại (trả nợ gốc và lãi): UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ cân đối, bố trí từ nguồn Ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển) để trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong 20 năm.

Nguồn ngân sách trả nợ được cam kết bố trí từ nguồn Ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển được bố trí trong kế hoạch đầu tư trung hạn).

Thời hạn vay 25 năm trong đó có 5 năm ân hạn.

6. Đánh giá tác động:

6.1. Tác động về xã hội và môi trường:

6.1.1 Tác động về môi trường:

Các tác động môi trường tiềm ẩn của dự án được xác định trên cơ sở khảo sát thực địa và thảo luận với người dân địa phương, các chuyên gia môi trường và các cán bộ chính quyền tại cấp xã, huyện và tỉnh. Đồng thời dựa trên các quy định của Chính phủ và nhà tài trợ ADB đã được sử dụng để tham chiếu. Các tác động tích cực và tác động tiêu cực chính của Dự án có thể tóm tắt như sau:

a. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với chiến lược bảo vệ môi trường:

Quy mô đầu dự án chủ yếu là đầu tư 02 tuyến đường; 03 cụm công trình cấp nước sinh hoạt, 14 cụm công trình thủy lợi quy mô rất nhỏ và 5,22 km kè bảo vệ bờ sông; đây là các hoạt động nâng cấp, cải tạo, phục hồi các hạng mục công trình đã có, đang vận hành khai thác mà không phải là công trình xây dựng mới nên không phát sinh các tác động làm thay đổi môi trường. Các ảnh hưởng đến môi trường của dự án chỉ diễn ra trong thời gian thi công với các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đào đắp công trình....các ảnh hưởng này sẽ được giảm thiểu thông qua các biện pháp môi trường cụ thể.

b. Các Tác động tích cực

(i) Đối với các dự án giao thông: việc cải tạo, nâng cấp các tuyến đường góp phần đáng kể trong việc tạo hành lang thông thoáng, cải thiện môi trường cảnh quan dọc tuyến. Các công trình dọc tuyến được xây dựng sẽ góp phần hạn chế sạt lở, bảo vệ môi trường đất và điều tiết dòng chảy.

(ii) Đối với các dự án cấp nước sinh hoạt: cùng với việc cấp nước sạch cho sinh hoạt của con người, các công trình cũng là nguồn cấp nước cho các hoạt động chăn nuôi và trồng trọt trong các mảnh vườn của các khu dân cư điều này góp phần cải thiện làm dịu mát môi không khí vào những ngày hè nắng gắt.

(iii) Đối với các dự án thủy lợi: Sau khi dự án hoàn thành, sẽ giảm nhẹ tác động của hạn hán, làm dịu mát khí hậu, đảm bảo sản xuất. Ngoài ra việc đầu tư kiên cố công trình tạo khả năng chống chịu với lũ lụt, sạt lở đất, giúp người dân

chủ động sản xuất nông nghiệp trong điều kiện tác động của thiên tai có xu hướng gia tăng về cường độ, tần suất và tính phức tạp.

(iii) Đối với công trình kè chống sạt lở: Sau khi dự án hoàn thành, sẽ chống chịu với lũ lụt, sạt lở đất, giúp người dân an tâm định cư và đầu tư cho sản xuất.

Ngoài ra, đầu tư dự án sẽ có tác dụng gia tăng khả năng nhận biết, chống chịu với biến đổi khí hậu cho người dân vùng dự án.

c. Tác động tiêu cực và biện pháp giảm thiểu

Các tác động tiêu cực chính có thể xảy ra trong giai đoạn xây dựng như: (i) Xói lở đất do các hoạt động đào đắp và dòng chảy từ mưa bị ô nhiễm có thể gây tác động đến đất canh tác và chất lượng nước mặt, gây úng ngập cục bộ, (ii) Các hoạt động đào và đắp do xây mới công trình sẽ tạo ra đất đá, bùn cát có thể gây ô nhiễm. Việc đổ thải không hợp lý dẫn đến mất đất hoặc gây ô nhiễm đất canh tác, (iii) Việc đổ vật liệu thải xây dựng, rác thải và nước thải sinh hoạt không hợp lý có thể tác động đến chất lượng nước mặt, nước ngầm và chất lượng đất, (iv) Các hoạt động đào, san lấp nền đường quản lý công trình, mặt bằng xây dựng, vận hành máy móc, vận chuyển vật liệu đến công trình sẽ gia tăng độ bụi, (v) Công việc vận chuyển vật liệu xây dựng đến công trình và vật liệu thải từ công trình đến bãi thải có thể gây ách tắc giao thông và rủi ro về an toàn, làm suy thoái đường cả bề mặt đường và sụt lún, (vi) Sức khỏe nghề nghiệp và rủi ro an toàn của công nhân từ sự cố điện, tiếng ồn, độ rung, bụi, khuôn vác vật liệu và thiết bị nặng, giao thông đi lại, tai nạn công trường, làm việc trên bề mặt trơn trượt, rủi ro cháy nổ...(vii) Sức khỏe và rủi ro an toàn cộng đồng từ các hoạt động xây dựng, hoạt động của máy móc và xe tải nặng, cháy nổ, rơi vãi vật liệu và làm xáo trộn cuộc sống cộng đồng như ách tắc hoặc cản trở giao thông.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực trên, nhà thầu xây dựng cần: (i) có hệ thống tiêu thoát nước mưa tại công trình xây dựng, cân bằng lượng đất đào và đắp, hoàn trả bề mặt đất bị chiếm dụng, (ii) giảm tối đa lượng đất đá, bùn cát rơi vãi trên công trường, lựa chọn bãi thải hợp lý và được chính quyền địa phương chấp thuận, quản lý chặt chẽ lượng đất cát dư thừa giữa lượng đất đào và đắp và cho phép người dân tái sử dụng đất dư thừa này, (iii) Thu gom chất thải xây dựng và sinh hoạt tại công trường để phân loại cho tái sử dụng, có thể bán cho người thu mua, còn lại đổ vào các bãi rác địa phương; (iv) Thường xuyên tưới nước, phủ bạt các xe chở vật liệu xây dựng và đổ thải, quản lý chuyên chở vật liệu để tránh ảnh hưởng khu vực dân cư, (v) Có kế hoạch về các tuyến đường và lịch trình vận chuyển với sự tham vấn của đơn vị quản lý đường để tránh các khu đông dân cư, các điểm nhạy cảm như khu đông dân cư, trường học, bệnh viện, thời gian cao điểm về giao thông, giới hạn tốc độ và không cho phép trù tạm thời vật liệu dọc các tuyến đường thuộc khu vực giao thông đông đúc. Nhà thầu cần sửa chữa bất kỳ hỏng hóc nào các tuyến đường do quá trình vận chuyển vật liệu gây ra, (vi) Nhà thầu cần thực thi Kế hoạch An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp và

Kế hoạch ứng phó khẩn cấp như đã trình bày ở Kế hoạch Quản lý Môi trường (KHQLMT)), (vii) Phổ biến cho cộng đồng kiến thức về an toàn ở khu vực TDA, lắp đặt rào, tường chắn an toàn và biển cảnh báo (bằng tiếng Việt) và có người giám sát tại công trình (kể cả ban đêm cần có bảo vệ), không cho phép người không có nhiệm vụ vào khu vực công trình xây dựng.

6.1.2 Tác động về xã hội:

(i) Đối với việc Đầu tư các tuyến đường giao thông

Các tuyến đường hình thành sẽ cải thiện điều kiện giao thông, giúp trên 2.316 hộ dân với hơn 9.435 người phần lớn là người dân tộc thiểu số có thể tiếp cận được với nhau và tiếp cận thuận lợi với vùng trung tâm của các huyện. Dự án sẽ góp phần nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo và góp phần giảm mạnh các tệ nạn xã hội trong vùng hưởng lợi. Ngoài ra dự báo hàng năm số người hưởng lợi gián tiếp lên đến hàng trăm nghìn người dân trong các khu vực lân cận cũng như du khách gần xa tham quan khám phá vẻ đẹp thiên nhiên vùng miền núi phía Đông dãy Trường Sơn hùng vĩ như khu Cà Đam, vùng lòng hồ thủy điện Đăk Rn vv.

Ý nghĩa hỗ trợ về giới: Dự án mang lại việc hỗ trợ về giới rất thiết thực như giúp cho phụ nữ các xã trong vùng dự án gặp nhiều thuận lợi trong việc đi lại, nhất là trong mùa mưa lũ. Góp phần trong việc phát triển kinh tế gia đình, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Trước mắt giải quyết kịp thời việc tổ chức an ninh lương thực tại chỗ hàng năm cho nhân dân và đồng bào dân tộc các xã vùng cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại khám chữa bệnh của đồng bào và đến trường của học sinh là con em đồng bào dân tộc.

Giải quyết giao thông giữa các xã trong huyện với nhau và giữa các huyện miền núi với đồng bằng, tạo điều kiện lưu thông hàng hoá, phát triển thương mại. Do giảm chi phí vận chuyển và điều kiện lưu thông hàng hoá tăng lên nên giá cả lên khu vực này hàng hóa sẽ giảm và đồng thời sản phẩm nông lâm sản của đồng bào có điều kiện đưa đi bán các nơi, đây là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho khu vực dự án.

Góp phần to lớn trong việc ngăn chặn đốt rẫy, phá rừng làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của các khu vực có liên quan, bảo vệ nguồn tài nguyên lâm sản. Việc tăng cường quản lý cũng tạo điều kiện cho nhân dân định canh định cư, sản xuất, kinh doanh có tổ chức, phát triển quy mô hoạt động kinh tế.

(ii) Đối với việc đầu tư Các công trình cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp.

- Vùng dự án là vùng thiếu nước nghiêm trọng và không có nguồn nước nào khác để bổ sung cho khu vực nên việc xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt và thủy lợi là giải pháp cần thiết để giải quyết một phần nước cho sinh hoạt

và tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong khu vực.

- Từng bước giải quyết vấn đề nước sạch nông thôn, miền núi, đảm bảo vệ sinh, an toàn sức khỏe, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.

- Tăng tỷ lệ diện tích được tưới chủ động, góp phần quan trọng để hoàn thành mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi theo đúng định hướng Quy hoạch Thủy lợi, phục vụ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Thông qua hiện đại hóa, cơ sở hạ tầng thủy lợi được cải thiện, đảm bảo an toàn hơn trong mưa lũ do tác động của biến đổi khí hậu; đồng thời giúp đơn vị quản lý vận hành giảm chi phí vận hành, duy tu, sửa chữa hàng năm; giúp tiết kiệm nước để dành phục vụ cho các ngành kinh tế khác như: công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ vui chơi giải trí v.v...

- Việc khôi phục, mở rộng diện tích có tưới và đây cũng là bổ sung nguồn nước ngầm, nước cho sinh hoạt cho người dân, góp phần đảm bảo an sinh và cải thiện môi trường vùng dự án.

6.2. Tính hiệu quả kinh tế

* Đối với việc Đầu tư các tuyến đường giao thông

Khi các tuyến đường hoàn thành thì việc phát triển vùng diện tích cây nguyên liệu như cây keo lai, bạch đàn, quế, cau v.v sẽ phát triển mạnh mẽ nhờ việc vận chuyển được thuận lợi hơn rất nhiều (vì chủ yếu đi qua tuyến đường này) nên giảm chi phí sản xuất, dẫn đến tăng năng suất cũng như hiệu quả đầu tư.

* Đối với việc đầu tư Các công trình cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp.

- Các công trình cấp nước sinh hoạt: Hiệu quả kinh tế được tính toán sơ bộ trên cơ sở số người dùng với mức giá nước dịch vụ công ích hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Dự án mang lại hiệu quả về kinh tế.

- Các công trình thủy lợi và kè chống sạt lở: Việc thực hiện Dự án sẽ tạo ra hiệu quả kinh tế cao do nội dung đầu tư chủ yếu tập trung hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, sử dụng nước hiệu quả phục vụ đa dạng hóa cây trồng, tưới cho các cây trồng giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và công trình hạ tầng xã hội của nhà nước.

6.3. Tác động đối với kế hoạch đầu tư trung hạn của tỉnh:

Dự án là phần quan trọng trong chương trình phát triển vùng miền núi đã được Tỉnh ủy đưa vào Nghị quyết Đại hội lần thứ 20 năm 2020 và HĐND tỉnh đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021-2025, trong đó năm 2023 đã bố trí kế hoạch vốn đối ứng là 1,0 tỷ đồng (Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế

hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương). Do vậy dự án sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

Như phần trên đã phân tích, việc đề xuất vay vốn từ nguồn vốn vay ưu đãi cụ thể là vốn ADB, UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn đối ứng đóng góp vào dự án và trả nợ. Hoạt động này có tác động tích cực tới tỉnh Quảng Ngãi nhiều hơn là tiêu cực, cụ thể như sau:

- Do phải trực tiếp quản lý và chi trả khoản nợ, UBND tỉnh và các sở ban ngành liên quan cũng như nhân dân vùng dự án và nhân dân địa phương sẽ cùng chung tay chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh đưa ra các giải pháp vay, sử dụng và trả nợ hợp lý nhất. Điển hình như: kỷ luật tài khoá, lập ngân sách ngắn hạn và trung hạn, hình thành cơ chế vay và trả nợ chính quyền địa phương, tăng cường công khai, minh bạch ngân sách. Đó là những yếu tố cơ bản nhằm tăng cường năng lực tài chính tỉnh nói riêng và cả nước nói chung trong dài hạn.

- Tỉnh Quảng Ngãi là tỉnh có thu ngân sách được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên, theo quy định của luật Ngân sách, hạn mức vay của tỉnh là 30% thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. Theo phân phân tích khả năng vay ở trên, với các dự án hiện đang thực hiện, tỷ lệ dư nợ vay tính trên trần nợ công của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là từ 4,68% - 23,64%. Với việc dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tiêu dự án Quảng Ngãi được thực hiện, tác động đến nợ công và kế hoạch đầu tư trung hạn của tỉnh thể hiện trong bảng tính sau đây:

Bảng 6: Tác động của dự án tới nợ công và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

DVT: Tỷ đồng

Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Trần nợ công được phép theo quy định của luật Ngân sách 2015	4.422	3.984	3.912	6.489	4.272	4.536	5.527
Dư nợ của các dự án đang thực hiện	180,33	163,82	183,21	204,36	617,36	617,36	1.306,56
Kế hoạch giải ngân (phần vốn vay lại) dự án CRIEM tỉnh Quảng Ngãi						93,53	112,234
Tổng dư nợ cuối năm (có dự án)	180,33	163,82	183,21	204,36	617,36	617,36	1.306,56
Tỷ lệ tính trên trần nợ công	4,08	4,11	4,68	3,15	14,45	13,61	23,64

Như vậy, với việc thực hiện dự án này, trần nợ công của tỉnh Quảng Ngãi vẫn đảm bảo trong mức cho phép./.